

Bản án số: 142/2021/HS-PT

Ngày: 23 - 3 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Cường;

Ông Trần Quốc Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thọ Định, Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 157/2021/TLPT-HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo Võ Văn T về tội “*Vận chuyển hàng cấm*”. Do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2020/HS-ST ngày 07-12-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 931/2021/QĐXXPT-HS ngày 01 tháng 3 năm 2021.

- Bị cáo kháng nghị, kháng cáo:

Võ Văn T. Sinh ngày 20/7/1974, tại Bình Định. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Hoàng Thị S, sinh năm 1966 và 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án: không, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 30/7/2002, tại Bản án số 53/HSST của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xét xử, tuyên phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 15 tháng về tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*” quy định tại Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị can đã chấp hành xong Bản án, đương nhiên được xóa án tích.

Ngày 21/6/2007, tại Bản án số 67/HSST của Tòa án nhân dân huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử, tuyên phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo,

thời gian thử thách 24 tháng về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” quy định tại Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị can đã chấp hành xong Bản án, đương nhiên được xóa án tích.

Ngày 17/5/2016, tại Bản án số 104/2016/HSST của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xét xử, tuyên phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “*Vận chuyển hàng cấm*” quy định tại Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Bị can đã chấp hành xong Bản án, đương nhiên được xóa án tích.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/5/2020 đến ngày 22/6/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1966; Trú tại: tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08h00' ngày 03/5/2020, Võ Văn T điều khiển xe ô tô tải, biển kiểm soát 47C - 186.24 đi từ thị xã B, tỉnh Đắk Lắk đến xã B, huyện C, tỉnh Gia Lai để vận chuyển chanh dây, nhưng do trời mưa không ai thu hoạch chanh dây để thuê vận chuyển nên T đã điều khiển xe ô tô đi về Đắk Lắk. Khi đi đến ngã ba H, thuộc phường C, thành phố P thì Võ Văn T gặp 02 người thanh niên, trong đó có một người tên thường gọi là B (không xác định được nhân thân, lai lịch) mà T đã quen trước đó. Khi gặp nhau thì B hỏi T “*có chở thuốc lá không?*”, T hỏi B “*trên đường đi có sao không?*”, B nói “*trên đường đi có người lo, không sao đâu*” nên T đồng ý vận chuyển thuốc lá điều cho B từ huyện C, tỉnh Gia Lai về huyện E, tỉnh Đắk Lắk với giá tiền công là 8.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận xong thì B dẫn T điều khiển xe ô tô tải, biển kiểm soát 47C - 186.24 đi vào Quốc lộ 19B, theo hướng đi huyện Đ, tỉnh Gia Lai rồi rẽ phải vào đường đất dài khoảng 300m đến khu vực đồi thông thuộc thôn 1, xã T, huyện C, tỉnh Gia Lai để bốc thuốc lá. Khi đến điểm tập kết thuốc lá, có 01 xe ô tô tải (không xác định được chủng loại, biển kiểm soát) đang đậu tại chỗ, trên thùng xe có chở thuốc lá. Đối tượng B và người thanh niên đi cùng đã bốc 75 thùng và bao tải có chứa thuốc lá điều, nhãn hiệu JET lên xe ô tô tải, biển kiểm soát 47C - 186.24 của Võ Văn T. Sau khi, bốc thuốc lá xong, B trả trước cho Võ Văn T 2.000.000 đồng tiền công vận chuyển và nói số tiền công còn lại sẽ trả đủ khi có người nhận hàng tại Cầu 110 thuộc địa phận huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Võ Văn T điều khiển xe ô tô tải, biển kiểm soát 47C - 186.24 chở thuốc lá điều đi theo đường Hồ Chí Minh về hướng tỉnh Đắk Lắk. Đến khoảng 13h00' cùng ngày, khi xe ô tô do T điều khiển đi đến khu

vực gần Trạm thu phí Đ thuộc huyện C, tỉnh Gia Lai thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai bắt giữ, kiểm tra trên thùng xe ô tô phát hiện có 37.500 bao thuốc lá điều, nhãn hiệu JET, trên vỏ bao đều không có tem nhập khẩu, Võ Văn T không xuất trình được giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của số thuốc lá điều trên.

Tại Bản kết luận giám định số 438/C09(Đ4) ngày 11/5/2020/2020 của Phân Viện Khoa học Hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: Toàn bộ số thuốc lá nhãn hiệu JET do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai gửi làm mẫu vật giám định đều là thuốc lá điều thành phẩm nhãn hiệu JET được sản xuất tại nước ngoài.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2020/HS-ST ngày 07/12/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo bị cáo Võ Văn T phạm tội “*Vận chuyển hàng cấm*”

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật hình sự; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án. Nhưng được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/5/2020 đến ngày 22/6/2020.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 BLHS buộc bị cáo Võ Văn T nộp lại số tiền hưởng lợi 2.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

4. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 191 BLHS buộc bị cáo nộp 10.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị số 06/QĐ-VC2 đối với phần xử lý vật chứng là chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47C - 186.24 phải tịch thu xung công quỹ Nhà nước $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ý kiến của bị cáo Võ Văn T: Bị cáo đã nhận thức và thấy rõ hành vi phạm tội của mình, đã ăn năn hối cải; gia đình đang hết sức khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, còn nuôi 2 con ăn học; vợ thì bị ung thư tuyến

giáp giai đoạn cuối; bản thân bị cáo đang bị bệnh tim, nguyên căn do tắt động mạch vành, nhồi máu cơ tim do thiếu máu cục bộ, Bệnh viện vùng Tây Nguyên đã chuyển tuyến lên Bệnh viện Chợ Rẫy Thành phố Hồ Chí Minh để chữa trị vào ngày 18/3/2021; ngoài ra, bị cáo cũng đang bị di chứng tâm thần của vụ tai nạn giao thông trước; đang phụng dưỡng Bà Mẹ Việt Nam anh hùng là cụ Nguyễn Thị T. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo; không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về tịch thu sung công quỹ giá trị 1/2 chiếc xe tải.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội cần xử phạt nghiêm minh để răn đe giáo dục riêng phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm xử phạt 3 năm tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là từ 5 năm đến 10 năm là phù hợp, không nặng. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo cung cấp thêm các tài liệu gồm: giấy ra viện, phẫu thuật của bà Hoàng Thị S; Đơn xác nhận nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng bà Nguyễn Thị T; Bị cáo đã nộp hình phạt bổ sung là 10.200.000 đồng. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cấp sơ thẩm đã áp dụng xử phạt bị cáo 3 năm tù là phù hợp với nhân thân, hành vi bị cáo. Đối với nội dung xin hưởng án treo thấy rằng bị cáo chỉ bị xử phạt 3 năm tù, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tuy đã từng bị kết án nhưng đã được xóa án tích, gia đình bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn nên kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thấy rằng theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 039964 cấp ngày 5/4/2018, Giấy chứng nhận đăng ký ngày 5/4/2004 và Hợp đồng thuê xe ô tô lập ngày 7/5/2018 thì đủ căn cứ khẳng định xe ô tô nói trên là tài sản chung của vợ chồng bị cáo T hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Bị cáo và bà S đều khai đây là tài sản riêng của bà S vay vốn ngân hàng mua năm 2018 nhưng không có tài liệu chứng minh. Bản án sơ thẩm nhận định đây là tài sản chung của vợ chồng là đúng. Tuy nhiên, nhận định đây là nguồn sống chính của gia đình bị cáo nên trả lại xe ô tô và các giấy tờ kèm theo cho bà S là không có căn cứ. Vì đây là vật chứng vụ án nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu 1/2 giá trị xe ô tô là phương tiện phạm tội theo đúng quy định của pháp luật, kháng nghị là có căn cứ.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm giữ nguyên hình phạt cho bị cáo hưởng án treo, tịch thu 1/2 ô tô sung công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Võ Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; do đó, có đủ căn cứ để kết luận: Vào ngày 03/5/2020 trên đường đi từ huyện C về Đắk Lắk, bị cáo đã gặp người tên B (không xác định được nhân thân, lai lịch) mà bị cáo đã quen trước đó thuê bị cáo vận chuyển thuốc lá điếu cho B từ huyện C về huyện E, tỉnh Đắk Lắk với giá tiền công là 8.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý và cùng B đi đến khu vực đồi thông thuộc thôn 1, xã T, huyện C, tỉnh Gia Lai để bốc thuốc lá. B và người thanh niên đi cùng đi cùng đã bốc 75 thùng và bao tải có chứa thuốc lá điếu, nhãn hiệu JET lên xe ô tô tải của bị cáo. Sau khi bốc thuốc lá xong, B trả trước cho bị cáo 2.000.000 đồng tiền công vận chuyển và nói số tiền công còn lại sẽ trả đủ khi có người nhận hàng. Khi bị cáo điều khiển đi đến khu vực gần Trạm thu phí Đ thuộc tỉnh Gia Lai thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai bắt giữ, kiểm tra trên thùng xe ô tô phát hiện có 37.500 bao thuốc lá điếu, nhãn hiệu JET, trên vỏ bao đều không có tem nhập khẩu, Võ Văn T không xuất trình được giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của số thuốc lá điếu trên. Tại Bản kết luận giám định số 438/C09(Đ4) ngày 11/5/2020 của Phân Viện Khoa học Hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: Toàn bộ số thuốc lá nhãn hiệu JET do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai gửi làm mẫu vật giám định đều là thuốc lá điếu thành phẩm nhãn hiệu JET được sản xuất tại nước ngoài. Vì vậy, bị cáo bị truy tố về tội “*Vận chuyển hàng cấm*” với tình tiết định khung “*Thuốc lá điếu nhập lậu 4.500 bao trở lên*” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo vận chuyển thuốc lá điếu nhập lậu, là sản phẩm thuốc lá không có tem do Bộ tài chính ban hành sử dụng trên từng bao thuốc lá và không có in cảnh báo sức khỏe, không được phép sản xuất và nhập khẩu hợp pháp để tiêu thụ tại thị trường trong nước. Do vậy, hành vi vận chuyển thuốc lá điếu của bị cáo là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, tiếp tay cho hoạt động buôn lậu, gây thất thu cho Ngân sách nhà nước, ảnh hưởng xấu đến môi trường kinh doanh. Do đó, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo,

tương xứng với tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội. mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Toà án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đối với bị cáo đã xem xét và vận dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, trong quá trình làm ăn, sinh sống bị cáo được Phó Thủ trưởng Công an thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xác nhận đã lập công, góp phần phát hiện tội phạm tại địa bàn huyện Đ, tỉnh Kon Tum liên quan đến vụ án do Công an thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum đang tiến hành xác minh, khởi tố. Nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng về nhân thân bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xét xử về hành vi vận chuyển hàng cấm; do bị cáo là lao động chính trong gia đình, có hoàn cảnh khó khăn, vợ bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo; hành vi phạm tội của bị cáo được phát hiện kịp thời, số lượng hàng hóa chưa bán ra thị trường, chưa gây hậu quả lớn; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt 03 năm tù là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Võ Văn T xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới: Bị cáo đang phụng dưỡng Bà Mẹ Việt Nam anh hùng là cụ Nguyễn Thị T được UBND xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk xác nhận; bản thân bị cáo đang bị bệnh tim, nguyên căn do tắt động mạch vành, nhồi máu cơ tim do thiếu máu cục bộ, Bệnh viện vùng Tây Nguyên đã chuyển tuyến lên Bệnh viện Chợ Rẫy Thành phố Hồ Chí Minh để chữa trị vào ngày 18/3/2021; cung cấp hoá đơn đã nộp hình phạt bổ sung và tiền án phí hình sự sơ thẩm là 10.200.000 đồng; bị cáo từng bị tai nạn giao thông, phải điều trị chấn thương sọ não, đến nay vẫn bị di chứng ảnh hưởng đến sức khỏe; Hội đồng xét xử xét thấy, gia đình bị cáo đang lâm vào tình trạng hết sức khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, còn nuôi 2 con ăn học, đang nhận nuôi dưỡng Bà Mẹ Việt Nam anh hùng, vợ bị ung thư tuyến giáp giai đoạn cuối (đã phẫu thuật), bản thân bị cáo cũng đang bị bệnh tim nặng, đang điều trị ở Bệnh viện Chợ Rẫy Thành phố Hồ Chí Minh, nếu giữ y hình phạt tù thì gia đình bị cáo lâm vào hoàn cảnh hết sức bi đát, bản thân bị cáo cũng khó giữ được tính mạng; mặt khác, hành vi phạm tội của bị cáo cũng chỉ là người vận chuyển thuê, kiếm tiền công; sau khi phạm tội, bị cáo cũng đã lập công giúp cơ quan điều tra Công an phá án, được Công an thành phố K xác nhận; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tốt. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy

tuy bị cáo có nhân thân xấu nhưng đã được xoá án tích, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ qui định tại các điểm s, điểm u khoản 1, khoản 2 Điều 51 và áp dụng nguyên tắc xử lý hình sự qui định tại điểm d Điều 3 của Bộ luật Hình sự nên cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên giữ y mức hình phạt 03 năm tù đối với bị cáo nhưng cho bị cáo được hưởng án treo để thể hiện cho bị cáo thấy tính nhân đạo của pháp luật mà ăn năn, hối cải, sửa đổi nhận thức, không có các hành vi vi phạm pháp luật tương tự.

[5] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47C - 186.24, Hội đồng xét xử xét thấy: Chiếc xe ô tô tải nói trên là tài sản chung của vợ chồng bị cáo và bà Hoàng Thị S là vợ đứng tên chủ sở hữu. Chiếc xe này bị cáo và bà S cùng ký Hợp đồng cho đối tượng Trần Văn Hải thuê xe ô tô, khi bị cáo mượn lại xe ô tô từ Hải để thực hiện hành vi vận chuyển thuốc lá điều thì bà S không biết. Bà S có đơn cho rằng chiếc xe là tài sản lớn và là phương tiện làm ăn nuôi sống gia đình bà, nên bà đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai trả lại cho bà, Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà là không có căn cứ. Bởi vì, bị cáo đã dùng chiếc xe ô tô tải là tài sản chung của vợ chồng để vận chuyển thuốc lá thuê với số lượng lớn đã phạm vào tội "*Vận chuyển hàng cấm*", nên chiếc xe ô tô là vật chứng của vụ án; theo qui định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự qui định vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội thì bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ, cần chấp nhận, tịch thu chiếc xe ô tô để bán đấu giá sung công quỹ nhà nước 1/2 chiếc xe, trả lại cho bà S ½ giá trị xe ô tô nói trên.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo ý kiến của Kiểm sát viên sửa Bản án hình sự sơ thẩm.

[7] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Võ Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo và Quyết định kháng nghị số 06/QĐ-VC2 ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân

dân cấp cao tại Đà Nẵng; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2020/HS-ST ngày 07/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai .

2. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Hình sự; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 03 (ba) năm tù về tội “*Vận chuyển hàng cấm*” nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 05 năm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Thiên An, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk để quản lý giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47C - 186.24 do bà Hoàng Thị S đứng tên chủ sở hữu để bán đấu giá sung công quỹ nhà nước 1/2 chiếc xe, trả lại cho bà S 1/2 giá trị xe ô tô nói trên.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Việc thi hành án được thực hiện theo Bản án hình sự sơ thẩm số 65/2020/HS-ST ngày 07/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Võ Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông